

Số: 2085 /QĐ-ĐHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc công nhận tốt nghiệp hệ đào tạo cử nhân chính quy Chương trình đào tạo thứ 2 (bằng kép) các ngành Ngôn ngữ Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc**

#### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

*Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 2755/QĐ-ĐHNN ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQGHN ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQGHN;*

*Căn cứ Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ biên bản họp xét tốt nghiệp ngày 28/12/2021 của Hội đồng xét tốt nghiệp theo Quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp số 1932/QĐ-ĐHNN ký ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân Ngoại ngữ chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh (21 sinh viên), Ngôn ngữ Nhật Bản (11 sinh viên), Ngôn ngữ Hàn Quốc (9 sinh viên) và Ngôn ngữ Trung Quốc (9 sinh viên) các khoá QH.2017.F.10 và QH.2018.F.10 (*danh sách sinh viên kèm theo*).

**Điều 2.** Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Kế hoạch-Tài chính, Trưởng Khoa Sư phạm Tiếng Anh, Trưởng khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Nhật Bản, Trưởng khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Hàn Quốc, Trưởng khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Trung Quốc và sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- ĐHQGHN (để b/c, cấp bằng);
- Ban Giám Hiệu (để b/c);
- Như điều 2;
- Lưu: HCTH, ĐT, DTh10.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Hà Lê Kim Anh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP**

*(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số /QĐ-ĐHNN ngày 30 /12/2021)*

Khóa: QH.2016.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh.

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại	Chương trình đào tạo thứ nhất	Đơn vị đào tạo	Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất	Ghi chú
1	15067029	Bùi Yến Chi	20/09/1997	Hải Dương	Nữ	3.21	Giỏi	Luật Kinh Doanh	Khoa Luật	3021	
2	15010334	Nguyễn Minh Phương	07/01/1997	Hà Nội	Nữ	2.62	Khá	Sư phạm Hoá học	Trường Đại học Giáo dục	1012	
3	15010631	Bùi Thị Hồng Quế	20/12/1997	Hòa Bình	Nữ	2.42	Trung Bình	Sư phạm Lịch Sử	Trường Đại học Giáo dục	855	

*Chau*

**DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP**

*(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số /QĐ-ĐHNN ngày 30/12/2021)*

Khóa: QH.2017.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh.

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại	Chương trình đào tạo thứ nhất	Đơn vị đào tạo	Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất	Ghi chú
1	16030131	Bùi Thị Hoa	07/05/1998	Hà Nội	Nữ	3.21	Giỏi	Chính trị học	Trường ĐH KHXH & NV	1276	
2	16061369	Đàm Thanh Hoài	20/09/1998	Sơn La	Nữ	3	Khá	Luật học	Khoa Luật	2340	
3	16031603	Đỗ Hoàng Nguyệt Hương	16/01/1998	Hà Nội	Nữ	2.94	Khá	Xã hội học	Trường ĐH KHXH & NV	1939	
4	15030525	Vũ Linh Ngọc	04/10/1997	Phú Thọ	Nữ	2.91	Khá	Khoa học quản lý	Trường ĐH KHXH & NV	3385	
5	16061589	Doãn Minh Phúc	20/08/1998	Hung Yên	Nam	2.86	Khá	Luật học	Khoa Luật	779	
6	16041890	Nguyễn Hà Vân	09/07/1998	Hà Nội	Nữ	3.32	Giỏi	NN Nhật Bản - Phiên dịch	Trường Đại học Ngoại ngữ	1400	

*Ok*

**DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP**

*(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số /QĐ-ĐHNN ngày 30/12/2021)*

Khóa: QH.2018.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh.

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại	Chương trình đào tạo thứ nhất	Đơn vị đào tạo	Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất	Ghi chú
1	17040953	Dương Minh Anh	09/12/1999	Hải Dương	Nữ	3.49	Giỏi	Ngôn ngữ Trung CLC	Trường ĐH NN	941	
2	17040322	Nguyễn Hải Vân Anh	25/08/1999	Thanh Hóa	Nữ	3.08	Khá	SP Tiếng Hàn Quốc	Trường ĐH NN	1400	
3	17040958	Nguyễn Thị Ngọc Anh	01/10/1999	Hung Yên	Nữ	3.37	Giỏi	NN Trung Quốc - Kinh tế	Trường ĐH NN	940	
4	17032404	Vũ Bích Anh	02/11/1999	Hà Nội	Nữ	3.19	Khá	Xã hội học	Trường ĐH KHXH & NV	1939	
5	17050197	Đỗ Thanh Bình	10/09/1999	Hải Phòng	Nữ	3.53	Giỏi	Kinh tế quốc tế	Trường Đại học Kinh tế	2425	
6	16010604	Vũ Thị Phương Chi	04/12/1998	Hải Dương	Nữ	2.95	Khá	Sư phạm Lịch Sử	Trường Đại học Giáo dục	748	
7	16041352	Lê Thu Hà	03/01/1996	Hà Nội	Nữ	3.48	Giỏi	Sư phạm Tiếng Nga	Trường ĐH NN	1616	
8	17060036	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	02/10/1999	Vĩnh Phúc	Nữ	3.58	Giỏi	Luật học	Khoa Luật	2277	
9	16042447	Nguyễn Khánh Linh	03/08/1998	Bắc Ninh	Nữ	3.12	Khá	NN Đức - Du lịch	Trường ĐH NN	1015	
10	17040280	Nguyễn Hải Ly	17/12/1999	Thái Nguyên	Nữ	3.15	Khá	SP Tiếng Trung	Trường ĐH NN	1400	
11	16061281	Phạm Thị Hà My	25/05/1998	Hà Nội	Nữ	3.39	Giỏi	Luật học	Khoa Luật	2340	
12	17040337	Nguyễn Thanh Thủy	22/10/1999	Thái Nguyên	Nữ	3.27	Giỏi	SP Tiếng Hàn Quốc	Trường ĐH NN	1400	

*Chau*

**DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP**

*(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số /QĐ-ĐHNN ngày /12/2021)*

Khóa: QH.2017.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Hàn Quốc.

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại	Chương trình đào tạo thứ nhất	Đơn vị đào tạo	Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất	Ghi chú
1	15034580	Nguyễn Hồng Hải	02/12/1995	Hà Nội	Nam	2.26	Trung Bình	Thông tin học	Trường ĐH KHXH & NV	1376	
2	16052136	Ngô Phương Thảo	01/10/1998	Hà Nội	Nữ	2.86	Khá	Kinh tế phát triển	Trường Đại học Kinh tế	4087	

*Phan*

**DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP**

*(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số /QĐ-ĐHNN ngày 30/12/2021)*

Khóa: QH.2018.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Hàn Quốc.

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại	Chương trình đào tạo thứ nhất	Đơn vị đào tạo	Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất	Ghi chú
1	16052179	Nguyễn Thị Ngọc Bích	01/05/1997	Nam Định	Nữ	2.67	Khá	Kế toán	Trường Đại học Kinh tế	1925	
2	16041298	Nguyễn Thị Thanh Hải	19/02/1998	Hà Nam	Nữ	2.98	Khá	Ngôn ngữ Nga - Du lịch	Trường Đại học Ngoại ngữ	1400	
3	16041299	Nguyễn Ngọc Thúy Hằng	02/08/1998	Nam Định	Nữ	2.79	Khá	Ngôn ngữ Nga - Du lịch	Trường Đại học Ngoại ngữ	1400	
4	17040169	Trần Thị Hằng	15/10/1999	Hà Nam	Nữ	3.06	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	Trường Đại học Ngoại ngữ	1400	
5	17040155	Đặng Thị Hương Lan	11/10/1999	Hải Dương	Nữ	2.89	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	Trường Đại học Ngoại ngữ	1400	
6	17030971	Lã Thị Hà Thu	04/10/1999	Sơn La	Nữ	2.9	Khá	Ngôn ngữ học	Trường ĐH KHXH & NV	1557	
7	15030841	Nguyễn Thị Trang	16/01/1997	Đắk Lắk	Nữ	3.12	Khá	Ngôn ngữ học	Trường ĐH KHXH & NV	459	

*Chau*

**DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP**

*(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số /QĐ-ĐHNN ngày 30/12/2021)*

Khóa: QH.2017.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật Bản.

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại	Chương trình đào tạo thứ nhất	Đơn vị đào tạo	Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất	Ghi chú
1	16040020	Đông Châu Anh	30/05/1998	Hà Nội	Nữ	2.74	Khá	Ngôn ngữ Anh - Quản trị học	Trường Đại học Ngoại ngữ	469	
2	16041181	Nguyễn Thị Duyên	06/07/1998	Bắc Ninh	Nữ	3.58	Giỏi	Ngôn ngữ Trung - Phiên dịch	Trường Đại học Ngoại ngữ	929	
3	16030805	Nguyễn Thị Ngọc Giang	22/01/1998	Hà Nội	Nữ	2.61	Khá	Quan hệ công chúng	Trường ĐH KHXH & NV	1276	
4	16000104	Trần Thị Hà	17/07/1997	Nghệ An	Nữ	2.74	Khá	Công nghệ kỹ thuật hoá học	Trường ĐH KHTN	2086	

*Alan*

**DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẰNG KÉP**

*(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số /QĐ-ĐHNN ngày 30/12/2021)*

Khóa: QH.2018.F.10

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật Bản.

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại	Chương trình đào tạo thứ nhất	Đơn vị đào tạo	Quyết định tốt nghiệp CTĐT thứ nhất	Ghi chú
1	17030001	Nguyễn Thị An	22/09/1999	Hải Phòng	Nữ	2.9	Khá	Báo chí	Trường ĐH KHXH & NV	677	
2	15004338	Lê Tuấn Bách	25/09/1997	Hà Nội	Nam	2.54	Khá	Quản lý Tài Nguyên Môi Trường	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	3081	
3	17000833	Lương Ngân Hải	02/11/1999	Hà Nội	Nữ	2.89	Khá	Hoá Dược	Trường ĐH KHTN	2086	
4	16050248	Bùi Thị Luyến	11/02/1998	Hải Phòng	Nữ	3.25	Giỏi	Kinh tế phát triển	Trường Đại học Kinh tế	1439	
5	17031458	Trần Thị Tuyết Mai	15/05/1997	Phú Thọ	Nữ	3.06	Khá	Quốc tế học	Trường ĐH KHXH & NV	1557	
6	16042823	Đoàn Văn Mạnh	19/09/1998	Hà Nội	Nam	3.26	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	Trường Đại học Ngoại ngữ	929	
7	16040359	Trần Đức Tài	02/01/1998	Thái Bình	Nam	3.18	Khá	Ngôn ngữ Anh - Kinh tế quốc tế	Trường Đại học Ngoại ngữ	469	

*Chau*

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

**Chương trình đào tạo bằng kép ngành Ngôn ngữ Trung Quốc khóa QH.2017.F.10.C**

(Kèm theo quyết định công nhận tốt nghiệp số /QĐ-ĐHNN ngày 30 tháng 12 năm 2021 )

**Khóa: QH.2017.F.10.C**

**Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc**

**Hệ đào tạo: Chính quy**

THÔNG TIN CTĐT BẰNG KÉP									THÔNG TIN NGÀNH 1				
STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	TBC TL	Xếp loại TN	Khóa BK	Ngày cấp	SH bằng	Xếp loại	Ghi chú
1	15034380	Vũ Thị	Nhi	15-08-97	Hải Phòng	Nữ	<b>3.26</b>	<b>Giỏi</b>	2017	25-06-19	QC 148690	Khá	Nhân văn
2	16041856	Bùi Phương	Phương	15-09-98	Quảng Ninh	Nữ	<b>3.03</b>	<b>Khá</b>	2017	30-09-20	QC 156909	Khá	Ngoại ngữ
3	16040255	Nguyễn Thị	Ly	21-02-97	Nam Định	Nữ	<b>2.07</b>	<b>Trung bình</b>	2017	23-07-21	QC 160039	Khá	Ngoại ngữ

Danh sách gồm: 03 sinh viên

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

**Chương trình đào tạo bằng kép ngành Ngôn ngữ Trung Quốc khóa QH.2018.F.10.C**

(Kèm theo quyết định công nhận tốt nghiệp số /QĐ-ĐHNN ngày 30 tháng 12 năm 2021 )

**Khóa: QH.2018.F.10.C**

**Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc**

**Hệ đào tạo: Chính quy**

THÔNG TIN CTĐT BẰNG KÉP									THÔNG TIN NGÀNH 1				
STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	TBC TL	Xếp loại TN	Khóa BK	Ngày cấp	SH bằng	Xếp loại	Ghi chú
1	16031461	Phạm Ngọc	Hạnh	06-02-98	Hà Nội	Nữ	<b>2.63</b>	<b>Khá</b>	2018	05-05-21	QC 158470	Giỏi	Nhân văn
2	16031460	Hà Thị	Hợp	16-06-98	Bắc Giang	Nữ	<b>2.67</b>	<b>Khá</b>	2018	05-05-21	QC 158473	Khá	Nhân văn
3	16040140	Vương Thị	Hiền	02-08-98	Hà Nội	Nữ	<b>3.23</b>	<b>Giỏi</b>	2018	23-07-21	QC 160020	Khá	Ngoại ngữ
4	16032501	Vũ Hồng	Nhung	01-10-98	Hà Nội	Nữ	<b>2.69</b>	<b>Khá</b>	2018	28-07-20	QC 156520	Khá	Nhân văn
5	17030555	Phương Thị	Phượng	15-09-99	Hà Nội	Nữ	<b>3.08</b>	<b>Khá</b>	2018	11-08-21	QC 161297	Giỏi	Nhân văn
6	16031652	Tạ Huệ	Trúc	29-10-98	Hà Nội	Nữ	<b>3.33</b>	<b>Giỏi</b>	2018	28-07-20	QC 156074	Giỏi	Nhân văn

Danh sách gồm: 06 sinh viên